

Số: 36/KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; Quyết định số 3237/QĐ-BGDĐT ngày 24/11/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/12/2025 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 25/12/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 345/TTr-SGDĐT ngày 28/01/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP của Chính phủ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm thực tiễn của tỉnh Quảng Ninh. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và toàn xã hội trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mầm non; từng bước hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non; bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục mầm non của mọi trẻ em trong độ tuổi, tạo nền tảng vững chắc cho trẻ em vào học tiểu học, góp phần phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải được tổ chức đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và đúng lộ trình PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo quy định. Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ sở giáo dục mầm non trong tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp liên ngành, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; bảo đảm hoàn thành các mục tiêu PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định và yêu cầu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đạt PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh theo quy định của Trung ương; bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi được tiếp cận dịch vụ giáo dục mầm non an toàn, có chất lượng, công bằng và bền vững, đặc biệt là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và khu vực có khu công nghiệp; qua đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của trẻ em, góp phần phát triển nguồn nhân lực trong tương lai của tỉnh Quảng Ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về tỷ lệ huy động

- Năm 2026: Duy trì vững chắc 47 đơn vị cấp xã (đạt 87,0%) có tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra lớp đạt từ 90% trở lên; trong đó duy trì vững chắc tỷ lệ huy động trẻ 4 tuổi đạt từ 90% trở lên và có 41 đơn vị cấp xã có tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi ra lớp đạt từ 90% trở lên.

- Năm 2027: Phân đầu 48 đơn vị cấp xã (đạt 88,9%) có tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra lớp đạt từ 90% trở lên; trong đó duy trì vững chắc tỷ lệ huy động trẻ 4 tuổi đạt từ 90% trở lên và có 46 đơn vị cấp xã có tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi ra lớp đạt từ 90% trở lên.

- Năm 2028: Phân đầu 50 đơn vị cấp xã (đạt 92,6%) có tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra lớp đạt từ 90% trở lên; trong đó duy trì vững chắc tỷ lệ huy động trẻ 4 tuổi đạt từ 90% trở lên và có 48 đơn vị cấp xã có tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi ra lớp đạt từ 90% trở lên.

- Năm 2029: Phân đầu có ít nhất 52 đơn vị cấp xã (đạt 96,3%) có tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra lớp đạt từ 90% trở lên; trong đó duy trì vững chắc tỷ lệ huy động trẻ 4 tuổi đạt từ 90% trở lên và có 51 đơn vị cấp xã có tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi ra lớp đạt từ 90% trở lên.

- Năm 2030: Duy trì vững chắc kết quả và từng bước nâng cao chất lượng huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra lớp tại các đơn vị cấp xã đã đạt năm 2029.

Lộ trình thực hiện chỉ tiêu huy động trẻ 3-5 tuổi ra lớp giai đoạn 2026-2030

Năm	Đơn vị cấp xã đạt $\geq 90\%$ trẻ 3-5 tuổi ra lớp		Trong đó, số đơn vị đạt $\geq 90\%$	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Trẻ 4 tuổi	Trẻ 3 tuổi
2026	47	87,0%	47	41
2027	48	88,9%	48	46
2028	50	92,6%	50	48
2029	52	96,3%	52	51
2030	≥ 52	$\geq 96,3\%$	≥ 52	≥ 51

2.2. Về hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non: Hằng năm, phần đầu 100% đơn vị cấp xã có tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi đạt từ 90% trở lên.

2.3. Về đội ngũ tham gia thực hiện phổ cập: Bảo đảm đủ đội ngũ thực hiện phổ cập ở các cấp; phần đầu đến năm 2028, 100% đơn vị cấp xã cơ bản đảm bảo đủ giáo viên mầm non theo quy định và tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo từ chuẩn trở lên đạt 96% trở lên.

2.4. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi: Phần đầu đến năm 2028, 100% cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn cấp xã thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi có đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi theo quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non.

2.5. Về thực hiện chế độ, chính sách: Bảo đảm chế độ, chính sách đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non theo quy định.

2.6. Phần đầu đến năm 2028, tỉnh Quảng Ninh được công nhận đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành

Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp trong thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội của tỉnh.

Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và trung hạn của địa phương; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cơ sở, gắn thực hiện PCGDMN với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn.

Phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện PCGDMN; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và kết quả thực hiện PCGDMN trên địa bàn, coi đây là tiêu chí quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; kịp thời xử lý hoặc báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu theo lộ trình.

2. Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non

Tổ chức truyền thông về PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; nội dung tập trung vào vai trò, ý nghĩa của giáo dục mầm non đối với sự phát triển toàn diện của trẻ em và lợi ích lâu dài đối với gia đình, cộng đồng và xã hội.

Thực hiện tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở, công thông tin điện tử, mạng xã hội và hoạt động trực tiếp tại cộng đồng; lồng ghép nội dung PCGDMN trong các chương trình, phong trào của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Vận động cha mẹ, người chăm sóc trẻ đưa trẻ trong độ tuổi ra lớp, nhất là tại các địa bàn có tỷ lệ huy động còn thấp và các nhóm đối tượng đặc thù như lao động tại khu công nghiệp, hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo.

Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tham gia tuyên truyền, giám sát và vận động cộng đồng. Phát hiện, nhân rộng mô hình hiệu quả; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện PCGDMN.

3. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho giáo dục mầm non

Rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và phân bố dân số trên địa bàn tỉnh; bảo đảm tính đồng bộ, liên thông giữa các cấp học, đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong từng giai đoạn.

Chủ động bố trí, quản lý và sử dụng hiệu quả quỹ đất dành cho giáo dục mầm non theo quy hoạch; ưu tiên quỹ đất tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, khu công nghiệp, khu tập trung đông dân cư và các địa bàn có nguy cơ thiếu trường, lớp mầm non, bảo đảm điều kiện thuận lợi để trẻ em được đến trường, lớp.

Ưu tiên đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non còn khó khăn, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo; tập trung khắc phục tình trạng thiếu phòng học, quá tải cục bộ tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp.

Trang bị thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định; nâng cao điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non và tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, bảo đảm sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

4. Xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Căn cứ quy mô trẻ em trong độ tuổi, mạng lưới trường, lớp và lộ trình thực hiện PCGDMN, xây dựng kế hoạch dự báo nhu cầu nhân lực; bố trí đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non theo định mức quy định và điều kiện thực tế của từng địa phương.

Thực hiện tuyển dụng, sử dụng, điều động, luân chuyển đội ngũ giáo viên mầm non nhằm khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ; ưu tiên bố trí giáo viên cho các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và khu vực có khu công nghiệp.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo; chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cốt cán, giáo viên tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và giáo viên tại các cơ sở ngoài công lập.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non theo quy định; nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ phù hợp của tỉnh nhằm tạo động lực, ổn định đội ngũ, thu hút và giữ chân giáo viên mầm non gắn bó lâu dài với nghề.

Quản lý, đánh giá đội ngũ gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; xây dựng môi trường làm việc dân chủ, tạo điều kiện để đội ngũ phát huy năng lực, trách nhiệm và tinh thần đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

5. Tăng cường huy động trẻ ra lớp gắn với nâng cao chất lượng các hoạt động trong giáo dục mầm non

Tổ chức các giải pháp nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi ra lớp gắn với việc nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, bảo đảm môi trường học tập, vui chơi an toàn, thân thiện, chất lượng.

Rà soát, cập nhật đầy đủ số lượng trẻ em trong độ tuổi theo từng địa bàn; phân tích nguyên nhân trẻ chưa ra lớp để xây dựng các giải pháp huy động phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và khu vực có khu công nghiệp, đô thị hóa nhanh.

Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động, tăng cường trải nghiệm, vui chơi, phát triển kỹ năng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ đưa trẻ ra lớp đều đặn, duy trì sĩ số và chuyên cần, hạn chế tình trạng trẻ nghỉ học, bỏ học.

Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em là con công nhân lao động tại các khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để trẻ được đến trường thường xuyên, góp phần nâng cao tỷ lệ huy động và duy trì bền vững kết quả PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

6. Phối hợp liên ngành trong thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non;

bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh.

Xác định rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cơ quan trong phối hợp thực hiện, nhất là trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp như quy hoạch đất đai, đầu tư cơ sở vật chất, bố trí đội ngũ, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, bảo đảm an toàn cho trẻ em và công tác tuyên truyền, vận động xã hội.

Ngành giáo dục phối hợp với ngành y tế, văn hóa - thể thao, thông tin-truyền thông trong việc chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ quyền trẻ em, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện cho trẻ mầm non.

Tổ chức thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi gắn với các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững và phát triển nguồn nhân lực.

Thực hiện trao đổi thông tin, theo dõi, đánh giá và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình phối hợp; định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả thực hiện.

7. Thực hiện hiệu quả các chính sách hiện hành; hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non

Triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng các chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh về PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, duy trì vững chắc kết quả phổ cập và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Rà soát, đánh giá việc thực hiện các cơ chế, chính sách về giáo dục mầm non theo địa bàn và nhóm đối tượng; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chính sách phù hợp với thực tiễn của tỉnh; trong đó tập trung vào phát triển giáo dục mầm non ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo; bảo đảm chỗ học cho trẻ em là con công nhân lao động tại các khu công nghiệp; thu hút, ổn định đội ngũ giáo viên mầm non.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền trong quản lý giáo dục mầm non gắn với trách nhiệm giải trình; xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện chính sách và kết quả PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách; bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ và sử dụng nguồn lực; kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục mầm non.

8. Xã hội hóa giáo dục mầm non

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, nhất là tại các khu công nghiệp, khu đô thị, khu tập trung đông dân cư, nơi có nhu cầu gửi trẻ lớn và tốc độ gia tăng dân số cao.

Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non theo quy định; tạo môi trường đầu tư thuận lợi về đất đai, thủ tục hành chính, tín dụng, thuế và các điều kiện cần thiết khác để thu hút các nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục mầm non.

Huy động các nguồn lực hợp pháp của xã hội tham gia đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hỗ trợ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mầm non; khuyến khích triển khai các mô hình hợp tác công - tư (PPP), các mô hình liên kết phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng trong việc hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non, nhất là đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, con công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập; bảo đảm thực hiện đúng quy định về chương trình, điều kiện chăm sóc, giáo dục, an toàn trường học và quyền lợi chính đáng của trẻ em; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.

9. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước; kiểm tra, giám sát việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non

Nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo, điều hành của các cấp quản lý giáo dục mầm non; chuẩn hóa quy trình quản lý phổ cập gắn với cơ sở dữ liệu trẻ em trong độ tuổi, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, thống nhất và kịp thời, làm cơ sở cho việc ra quyết định và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong quản lý, tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục mầm non; gắn kết quả thực hiện các tiêu chí phổ cập với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị theo quy định.

Kiểm tra, giám sát thường xuyên và theo chuyên đề đối với việc thực hiện các tiêu chí, điều kiện phổ cập; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, bảo đảm kết quả phổ cập giáo dục mầm non thực chất, bền vững và được nâng cao.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026-2028: chuẩn bị các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và phấn đấu đến năm 2028, tỉnh Quảng Ninh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Giai đoạn 2029-2030: duy trì vững chắc kết quả và từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch gồm:

Ngân sách nhà nước: từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các sở, ban, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý.

Vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch, chương trình triển khai cụ thể, phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tiễn của từng giai đoạn.

Chủ trì rà soát, nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách về giáo dục mầm non theo quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Chủ trì cung cấp thông tin, nội dung về phát triển giáo dục mầm non và thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền, lan tỏa các chủ trương, kết quả và mô hình hiệu quả trong phát triển giáo dục mầm non.

Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các xã, phường, đặc khu; kịp thời phát hiện, tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn hỗ trợ, tập huấn, bồi dưỡng việc thực hiện PCGDMN từ 3 đến 5 tuổi và kiểm tra, công nhận đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định; định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

Các sở, ban, ngành, có quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tham gia thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã tham mưu các giải pháp để hoàn thành mục tiêu phổ cập PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra giám sát các địa phương thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn. Đưa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm và giai đoạn.

Tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn huy động trẻ em ra lớp, thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện PCGDMN trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả huy động trẻ ra lớp, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí PCGDMN tại địa phương.

Triển khai đầy đủ các chính sách đối với các cơ sở giáo dục mầm non, trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp học mầm non các đối tượng được hưởng chính sách theo quy định hiện hành.

Chỉ đạo Trạm Y tế các xã, phường, đặc khu chủ động phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thực hiện khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, phòng bệnh cho trẻ em.

Đảm bảo đầy đủ các điều kiện công nhận PCGDMN; tổ chức kiểm tra và đề nghị công nhận đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

4. Báo và Phát thanh Truyền hình Quảng Ninh

Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường xây dựng tin, bài, phóng sự tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của giáo dục mầm non; vận động cha mẹ trẻ, người chăm sóc trẻ đưa trẻ trong độ tuổi ra lớp, nhất là tại các địa bàn có tỷ lệ huy động còn thấp, vùng khó khăn và khu công nghiệp.

Kịp thời phát hiện, phản ánh, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả, các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phát triển giáo dục mầm non; đồng thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giải pháp phù hợp.

(Các nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục đính kèm)

10. Đề nghị Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân đồng thuận, tin tưởng và tham gia hiệu quả; phát huy vai trò giám sát trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, các cơ quan, địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch; các nội dung phát sinh vướng mắc cần tập trung phối hợp bàn giải pháp tháo gỡ ngay từ cơ sở theo phương châm “*vướng mắc phát sinh ở đâu, tập trung tháo gỡ ngay ở đó*”, đồng thời chủ động báo cáo, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để giải quyết kịp thời; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh những nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh./. *v*

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (b/c);
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các trường ĐH, CĐ thuộc tỉnh;
- V0, V3; VX1;
- Lưu: VT, GD. 023.1.4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hạnh

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM
TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

I. NHÓM NHIỆM VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
1	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện PCGDMN 3-5 tuổi trong toàn ngành	Sở GDĐT	Các sở, UBND cấp xã	Tháng 1 hằng năm; riêng năm 2026: Quý I	Kế hoạch của Sở GDĐT	Triển khai thống nhất toàn ngành; giao chỉ tiêu cho địa phương
2	Ban hành kế hoạch thực hiện PCGDMN tại cấp xã	UBND cấp xã		Tháng 1 hằng năm; riêng năm 2026: trước 15/4	Kế hoạch cấp xã	Phân công rõ trách nhiệm, chỉ tiêu
3	Tổ chức truyền thông về PCGDMN 3-5 tuổi trên địa bàn tỉnh	Sở GDĐT	UBND cấp xã; Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh	Hằng năm	Kế hoạch truyền thông; tin, bài, chuyên mục	Nâng cao nhận thức của người dân; tăng tỷ lệ huy động trẻ ra lớp
4	Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ về PCGDMN cho trẻ từ 3-5 tuổi	Sở GDĐT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hằng năm	Văn bản, Hội thảo, Hội nghị	
5	Tổng hợp, đôn đốc, theo dõi thực hiện; gửi báo cáo về Bộ GDĐT và UBND tỉnh	Sở GDĐT	UBND cấp xã	Trước 01/12 hằng năm	Văn bản hướng dẫn; Báo cáo	Báo cáo định kỳ đầy đủ, đúng hạn
6	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch	Sở GDĐT	Các sở, UBND cấp xã	Hằng năm	Kế hoạch, biên bản kiểm tra	Phát hiện, khắc phục kịp thời tồn tại
7	Tổ chức sơ kết giữa giai đoạn	Sở GDĐT	Các đơn vị	2027	Báo cáo sơ kết	Điều chỉnh kịp thời
8	Tổ chức tổng kết giai đoạn	Sở GDĐT	Các đơn vị	2030	Báo cáo tổng kết	Duy trì bền vững

II. NHIỆM VỤ HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ DUY TRÌ SĨ SỐ

STT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
5	Rà soát, lập danh sách trẻ 3-5 tuổi theo từng thôn, bản, khu phố	UBND cấp xã		Hàng năm (Sở GDĐT hướng dẫn)	Danh sách trẻ	100% trẻ trong độ tuổi được quản lý
6	Phân tích nguyên nhân trẻ chưa ra lớp, xây dựng, triển khai phương án vận động	UBND cấp xã		Hàng năm (Sở GDĐT hướng dẫn)	Báo cáo phân tích	Giảm số trẻ chưa ra lớp theo lộ trình
7	Tổ chức cao điểm vận động trẻ 3 tuổi ra lớp	UBND cấp xã		Tháng 9 hàng năm	Danh sách trẻ nhập học	Đạt chỉ tiêu huy động năm học
8	Theo dõi chuyên cần, hạn chế tình trạng bỏ học	Trường MN		Hàng năm (Sở GDĐT hướng dẫn)	Sổ theo dõi	

III. NHIỆM VỤ VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ

STT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
9	Rà soát, xây dựng, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường, lớp mầm non	Sở GDĐT	Các sở liên quan, UBND cấp xã	2026-2027	Báo cáo rà soát	Bảo đảm phù hợp phân bố dân cư
	Đề xuất đầu tư, mua sắm, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi	Sở GDĐT	Sở Tài chính, UBND cấp xã	Hàng năm	Danh mục trình UBND tỉnh	Bổ sung đủ phòng học trước 2028; 100% trường đủ danh mục theo quy định
13	Bố trí quỹ đất xây dựng trường tại khu công nghiệp, khu đô thị	UBND cấp xã	Sở Xây dựng	2026-2028	Đảm bảo quỹ đất phục vụ phát triển GDMN	

IV. NHIỆM VỤ VỀ ĐỘI NGŨ

STT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
14	Xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên mầm non	Sở GDĐT	Sở Nội vụ, UBND cấp xã	Hàng năm	Kế hoạch tuyển dụng	Đủ định mức trước năm 2028
15	Điều động, bố trí, luân chuyển giáo viên phù hợp	Sở GDĐT	UBND cấp xã	Hàng năm	Quyết định điều động	Khắc phục tình trạng thiếu cục bộ
16	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ giáo viên mầm non	Sở GDĐT	Cơ sở đào tạo	2026-2028	Kế hoạch/ Danh sách hoàn thành	

V. NHIỆM VỤ VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, Y TẾ TRƯỜNG HỌC

STT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
17	Kiểm tra việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	Sở GDĐT	UBND cấp xã	Hàng năm	Biên bản kiểm tra	≥90% trẻ hoàn thành chương trình
18	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ	Sở Y tế	Sở GDĐT	Hàng năm	Hồ sơ khám sức khỏe	100% trẻ được khám định kỳ
19	Thanh tra, kiểm tra cơ sở mầm non ngoài công lập	Sở GDĐT	UBND cấp xã	Hàng năm	Kết luận thanh tra	Xử lý kịp thời vi phạm

VI. NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI ĐỊA BÀN ĐẶC THÙ

STT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
20	Tổ chức lớp phù hợp tại khu công nghiệp	UBND cấp xã	Sở GDĐT	2026-2027	Đáp ứng nhu cầu con công nhân	
21	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số	Sở GDĐT	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026-2028	Nâng cao khả năng ngôn ngữ	
22	Tổ chức bán trú phù hợp vùng khó khăn	UBND cấp xã	Sở GDĐT	2026-2028	Duy trì sĩ số vùng khó khăn	

VII. NHIỆM VỤ CÔNG NHẬN VÀ DUY TRÌ KẾT QUẢ

STT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/ Kết quả	Ghi chú
23	Kiểm tra công nhận PCGDMN cấp xã	Sở GDĐT	UBND cấp xã	Hàng năm	Hồ sơ đề nghị công nhận, trình UBND tỉnh	Đủ điều kiện đề nghị công nhận
24	Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận tỉnh đạt chuẩn PCGDMN	Sở GDĐT	Các sở	Năm 2028	Hồ sơ gửi Bộ GDĐT	Tỉnh được công nhận đạt chuẩn